

LỊCH THỰC HIỆN NGOẠI KIỂM QUÝ III - 2025

STT	Chương trình Trung tâm	Chu kỳ	Mẫu/đợt	Ngày gửi mẫu dự kiến	Hạn trả kết quả	Hạn trả báo cáo phân tích	Mẫu/đợt	Ngày gửi mẫu dự kiến	Hạn trả kết quả	Hạn trả báo cáo phân tích	Mẫu/đợt	Ngày gửi mẫu dự kiến	Hạn trả kết quả	Hạn trả báo cáo phân tích
HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU														
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	4	3	16-18/06	03/07	23-25/07	4	11-13/08	28/08	22-24/09				
2	Truyền máu toàn diện	7					3	21-23/07	14/08	08-10/09				
3	Truyền máu cơ bản	7					3	21-23/07	14/08	08-10/09				
4	Định nhóm máu	9					3	21-23/07	14/08	08-10/09				
5	Phết máu ngoại biên	8	3	07-09/07	24/07	13-15/08								
HÓA SINH														
1	Hóa sinh	5					4	21-23/07	07/08	31/08	5	21-23/07	11/09	05/10
2	HbA1c	7					3	04-06/08	21/08	14/09				
3	Tổng phân tích nước tiểu	7	4	05-07/05	17/07	25/07					5	08-10/09	25/09	03/10
VI SINH - KÝ SINH TRÙNG														
1	Vi sinh lâm sàng	10									3	08-10/09	25/09	15/10
2	Vi khuẩn nhuộm soi	6									3	08-10/09	25/09	15/10
3	Phết máu tìm KST sốt rét	8	2	01-03/07	17/07	06/08								
4	Soi phân tìm KST đường ruột	8					3	28-30/07	14/08	03/09				
HUYẾT THANH HỌC														
1	Huyết thanh học Ký sinh trùng	8	3	21-24/07	08/07	29/08								
2	Huyết thanh học Viêm gan siêu vi B và C	8					3	05-08/08	22/08	09/12				
3	Huyết thanh học Helicobacter pylori	6	2	24-27/06	10/07	01/08					3	23-26/09	10/09	30/10
4	Huyết thanh học Dengue virus	2					2	29/07-01/08	14/08	09/05				
SINH HỌC PHẦN TỬ														
1	Đo tải lượng HBV	10									3	15-17/09	02/10	26/10
2	Đo tải lượng HCV	10									3	15-17/09	02/10	26/10
3	Phát hiện HPV	9	2	30/06-02/07	17/07	10/08								
4	Xác định HPV genotype	9	2	30/06-02/07	17/07	10/08								
5	Phát hiện Mycobacterium tuberculosis – DNA	9	2	30/06-02/07	17/07	10/08								

STT	Chương trình Ngoại kiểm hợp tác Randox (*)	Chu kỳ	Mẫu/đợt	Hạn trả kết quả	Mẫu/đợt	Hạn trả kết quả	Mẫu/đợt	Hạn trả kết quả
HUYẾT HỌC								
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	18	7	10/07	8	07/08	9	04/09
2	Đông máu	17	7	21/08	8	28/08	9	11/09
3	Tốc độ máu lắng						5+6	18/09
HÓA SINH - MIỄN DỊCH								
1	Hóa sinh	22	7	24/07	8	21/08	9	25/09
2	Dầu ăn tìm mạch	5	7	24/07	8	31/07	9	28/08
3	Định lượng BNP	12	7	03/07	8	31/07	9	28/08
4	Hóa sinh Nước tiểu	67	1	24/07	3	07/08	5	04/09
			2	31/07	4	21/08	6	18/09
5	Bộ mỡ	53	1	10/07	3	07/08	5	04/09
			2	24/07	4	21/08	6	18/09
6	Khí máu	17	7	24/07	8	07/08	9	04/09
7	Miễn dịch đặc hiệu I	15	7	31/07	8	07/08	9	04/09
8	HbA1c	20	7	17/07	8	14/08	9	11/09
9	Protein đặc hiệu hàng tháng	6	5	17/07	6	14/08	7	11/09
10	Sàng lọc trước sinh	17	7	24/07	8	14/08	9	11/09
11	Dịch não tủy	10	5	17/07	6	14/08	7	11/09
12	Tổng phân tích nước tiểu	17	4	24/07			5	18/09
13	Ammonia/Ethanol	11	11	24/07	12	21/08	1	18/09
14	Miễn dịch	23	7	31/07	8	21/08	9	25/09
15	Anti TSH Receptor	10	5	24/07	6	21/08	7	18/09
16	Cyfra 21.1	10	5	24/07	6	21/08	7	18/09
17	Bilirubin trẻ sơ sinh	5	1	10/07	2	07/08	3	04/09
18	Cytokines	4	10	10/07	11	07/08	12	04/09
19	Ước chế miễn dịch	1	5	17/07	6	14/08	7	11/09
20	Định lượng AMH	3	7	17/07	8	14/08	9	11/09
21	Xét nghiệm nhanh đường huyết và keton						2	18/09
22	Chỉ số huyết thanh					07/08		
HUYẾT THANH HỌC - VI SINH								
1	Giang mai	14	1	03/07	2	31/07	3	28/08
2	EBV	14	1	03/07	2	31/07	3	28/08
3	HIV và Viêm gan	14	1+2	24/07	3+4	31/07	5+6	28/08
4	ToRCH	14	1+2	24/07	3+4	31/07	5+6	28/08
5	Vi sinh	4	1	31/07			2	18/09

STT	Chương trình Ngoại kiểm hợp tác Bio Rad (**)	Chu kỳ	Mẫu/đợt	Hạn trả kết quả	Mẫu/đợt	Hạn trả kết quả	Mẫu/đợt	Hạn trả kết quả
HUYẾT HỌC								
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	20	4	10/07	5	07/08	6	28/08
2	Đông máu	13	4	17/07	5	14/08	6	11/09
3	Định nhóm máu	10						
HÓA SINH - MIỄN DỊCH								
1	Hóa sinh	24	1	24/07	2	21/08	3	25/09
2	Hemoglobin	22	8	10/07	9	14/08	10	11/09
3	Dấu ấn tim mạch	13	4	10/07	5	14/08	6	11/09
4	Khí máu	13	6	26/06	7	31/07	8	28/08
5	Ethanol/Ammonia	13	4	24/07	5	21/08	6	25/09
6	Tổng phân tích nước tiểu	10	5	03/07	6	07/08	7	04/09
7	Protein đặc hiệu hàng tháng	52	6	10/07	7	07/08	8	04/09
8	Hóa sinh nước tiểu	17	8	03/07	9	07/08	10	04/09
9	Bộ mỡ máu	13	3	03/07	4	31/07	5	28/08
10	Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị	50	3	24/07	4	21/08	5	18/09
11	Miễn dịch	22	7	10/07	8	07/08	9	04/09
HUYẾT THANH HỌC - VI SINH								
1	ToRCH/EBV/MuMZ	10	5	26/06	6	31/07	7	28/08
2	HIV và Viêm gan	10	5	10/07	6	14/08	7	11/09
3	Giang mai	10	5	26/06	6	31/07	7	28/08

(*) Báo cáo phân tích kết quả Ngoại kiểm được ban hành sau 12 ngày từ Hạn trả kết quả
 (**) Báo cáo phân tích kết quả Ngoại kiểm được ban hành sau 12 ngày từ Hạn trả kết quả."